

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 243/NĐND-KHĐT/VT

V/v: Mời chào giá đơn hàng số 39: "Cung cấp vật tư, hàng hóa cho trạm bơm Nà Cáy và hóa chất cho trạm quan trắc phục vụ sản xuất"

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời Quý Công ty và các nhà cung cấp có quan tâm tham gia chào giá Cung cấp vật tư, hàng hóa cho trạm bơm Nà Cáy và hóa chất cho trạm quan trắc phục vụ sản xuất với thông số kỹ thuật danh điểm và số lượng cụ thể như sau:

I. Yêu cầu về hàng hoá

1. Thông tin về hàng hóa:

Chi tiết Tên hàng hóa, số lượng, danh điểm thông số kỹ thuật và thời gian giao hàng chi tiết theo danh mục vật tư hàng đính kèm

- Nhà cung cấp phải chào cho toàn bộ danh mục và khối lượng hàng hoá thuộc phạm vi yêu cầu. Hàng hoá cung cấp mới 100% đối với hóa chất đảm bảo còn hạn sử dụng ít nhất 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.

- Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản chứng thực CO, CQ (đối với hàng hóa nhập khẩu), Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng hóa sản xuất trong nước) trong HSCG hoặc cam kết khi giao hàng.

- Cam kết cung cấp đầy đủ các dịch vụ do nhà cung cấp đảm nhiệm, đảm bảo chất lượng và tiến độ đảm bảo thông số kỹ thuật lắp đặt và vận hành đồng bộ với hệ thống sẵn có của Bên mời chào giá. Nhà cung cấp có thể khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật thực tế tại Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

- Hàng hoá được giao tại kho Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV; Khu 4, Thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

2. Nội dung hồ sơ chào giá:

a) Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

- 01 bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bản chào giá do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay phải kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương.

- Có 01 hợp đồng mà Nhà cung cấp đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn từ năm 2021 trở lại đây, tương tự cả về quy mô và tính chất với đơn hàng đang xét.

+ Tương tự về Quy mô được hiểu là: Giá trị hợp đồng $\geq 260.000.000$ đồng

+ Tương tự về tính chất được hiểu là: Cung cấp thiết bị và hóa chất cho nhà máy công nghiệp.



Nhà cung cấp phải nộp hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) và kèm theo một trong các tài liệu (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) để chứng minh hợp đồng đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn như: Hóa đơn, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng...

b) Phương thức chào giá:

- Báo giá phải nêu rõ tên hàng hóa, mã danh điểm quy cách, thông số kỹ thuật, đơn vị tính, số lượng và xuất xứ của hàng hóa (hàng hoá cung cấp phải có bản vẽ của nhà cung cấp kèm theo hàng hoá để làm cơ sở đánh giá so sánh các thông số kỹ thuật)

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước. (Thể hiện rõ mức thuế suất của từng loại hàng hóa chào giá)

- Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

c) Các yêu cầu về thương mại:

- Điều kiện bảo hành hàng hoá: Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: Ít nhất 45 ngày kể từ ngày hết hạn hồ sơ chào giá

- Thời gian giao hàng: quy định tại chi tiết danh mục hàng hóa đính kèm

II. Đánh giá hồ sơ chào giá và thương thảo hợp đồng:

Việc đánh giá hồ sơ chào giá được thực hiện theo các bước dưới đây:

1. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX và năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp được đánh giá là Đạt khi đáp ứng tất cả các yêu cầu cụ thể như sau:

- Hồ sơ chào giá được nộp trước thời điểm đóng thầu và có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu quy định tại Khoản 3- Mục II

- Hồ sơ chào giá được niêm phong trong phong bì dán kín;

- Có đầy đủ các biểu mẫu quy định tại Mục IV- biểu mẫu đính kèm

- Nhà cung cấp là đơn vị độc lập đáp ứng tất cả các yêu cầu tại khoản 2- Mục I

2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà cung cấp đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Khoản 1 Mục I - thì được đánh giá là Đạt

3. Đánh giá về giá và xếp hạng:

Các hồ sơ chào giá được đánh giá ĐẠT của các tiêu chí trên được đánh giá về giá.

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào giá của từng loại hàng hóa (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có...) Khoản 1 Mục I

+ Bước 2: Xếp hạng các nhà cung cấp tham gia chào giá theo tổng giá trị hàng hóa có đơn giá chào thấp nhất.

So sánh đơn giá chào giá giữa các HSCG, HSCG có tổng giá trị hàng có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời chào giá có quyền xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

III. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

Chào giá được gửi trong phong bì đóng kín có niêm phong và gửi về địa chỉ sau:

1. Hình thức chào giá:

Phòng Kế hoạch đầu tư vật tư

Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV

Khu 4, Thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 02053 844 263

Fax: 02053 844 132

Nhà cung cấp có thể nộp hồ sơ chào giá bằng các hình thức: nộp qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại địa chỉ nêu trên trước thời điểm đóng chào giá quy định tại Khoản 2 Mục III (đối với hình thức nộp trực tiếp yêu cầu người nộp phải mang theo giấy giới thiệu và bản sao CCCD còn hiệu lực)


2. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá được gửi đến chậm nhất trước 10h00 phút ngày 23/02/2024.

3. Thời gian mở hồ sơ chào giá:

- Các hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương vào hồi 11h00 phút ngày 23/02/2024.

- Bên mời chào giá mời các nhà cung cấp đã nộp hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở hồ sơ chào giá. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp việc mở hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian quy định trong thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Các thông tin về nội dung hồ sơ chủ yếu của hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá.....sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác! 

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- P.Giám đốc (e-copy);
- Lưu HS, KHĐT, V.T, NQ.



Phạm Đức Tuyên

CHI TIẾT DANH MỤC VẬT TƯ HÀNG HÓA

(Đính kèm theo thư mời số: 255 /NĐND-KHĐTĐVT ngày 05 tháng 02 năm 2024)

STT	Tên vật tư/ hàng hoá	Danh điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số Lượng	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1	Bộ định lượng clo	Model: RM-1; áp lực 13,8bar; công suất 0-2kg/h	Bộ	1	Trong vòng 02 tuần kể từ ngày nhận đặt hàng	Nhà cung cấp chào giá phải bao gồm chi phí nhân công lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn vận hành
2	Ejector	Model: EJ-1; áp lực 13,8bar; công suất 0-2kg/h	Bộ	1		
3	Bộ điều chỉnh chân không	Model: VREC 100; áp lực 13,8bar; công suất 0-2kg/h	Bộ	1		
4	Tê đúc áp lực	ASTM A106 SCH80	Cái	2		
5	Cút 90 đúc áp lực	ASTM A106 SCH 80, 3/4"	Cái	2		
6	Phụ kiện	Đường ống thép Carbon đúc áp lực ASTM A106 DN25: 1800mm, dày 5mm - ống PE 15m - ống đồng dẫn hơi clo loại dài 1625mm	Cái	3		
7	Gông bằng inox 304	Yoke- 628A	Cái	3		
8	Van sherwood ngăn cách clo	Model: 1214 AXI-CL1	Cái	3		
9	Hâm nhiệt	01 pha 220V	Cái	1		
10	Bình chứa hơi clo	Model: DOT 3AA-2265 - Bình loại 50Kg, bình bao gồm 40Kg khí clo - Áp lực thử 260Kg/cm2 - Áp lực làm việc: 156Kg/cm2 - Bao gồm van đầu bình Sherwood	Bình	3		
12	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 50mg/l	Q-11357-I-50; chai 500ml	Chai	5	Trong vòng 12 tuần kể từ ngày nhận đặt hàng	
13	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 100mg/l	chai 500ml ;Q-11357-I-100	Chai	5		
14	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 150mg/l	chai 500ml;Q-11357-I-150	Chai	5		
15	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 50mg/l	chai 500ml; Q-11356-I-50;	Chai	10		

STT	Tên vật tư/ hàng hoá	Danh điểm, thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số Lượng	Thời gian giao hàng	Ghi chú
16	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 100mg/l	chai 500ml; Q-11356-I-100	Chai	10	Trong vòng 12 tuần kể từ ngày nhận đặt hàng	
17	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 150mg/l	chai 500ml; Q-11356-I-150	Chai	10		
18	Dung dịch chuẩn PH4	chai 500ml; QCI-112-4	Chai	3		
19	Dung dịch chuẩn PH7	chai 500ml; QCI-112-7	Chai	5		
20	Dung dịch chuẩn PH10	chai 500ml; QCI-112-10	Chai	5		
21	Dung dịch chuẩn NH4-N nồng độ 2,5mg/l	chai 500mg; Q-11359-I-2.5	Chai	5		
22	Dung dịch chuẩn NH4-N nồng độ 5mg/l	chai 500mg; Q-11359-I-5	Chai	5		
23	Dung dịch chuẩn NH4-N nồng độ 15mg/l	chai 500mg; Q-11359-I-15	Chai	5		



IV. BIỂU MẪU, PHỤ LỤC

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên đơn hàng: ____ [*Ghi tên đơn hàng theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện đơn hàng ____ [*Ghi tên đơn hàng*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của đơn hàng*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

- Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
- Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng chào giá.
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
- Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự đơn hàng này.
- Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.
- Hàng hoá cung cấp còn hạn sử dụng ít nhất 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)	Đơn giá (giá nhập khẩu/ giá xuất xưởng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá						M
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí							M

Ghi chú: Dự toán đơn hàng của bên mời chào giá đã bao gồm VAT 10%.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1A2
C
NH
DU
CHI
NG
IEN
C
BINH

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng:

b) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:

2. Thanh toán:

3. Bảo hành:

4. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của vật tư được chào giá

34-
TY
IÊN
3-T
NH
NG
TK
LAI

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

I. Đối tượng hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng:
2. Nhà sản xuất:
3. Xuất xứ:
4. Tiêu chuẩn chất lượng: Đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã nêu trong HSMCG
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: Như danh mục quy định tại Mục 2

II. Loại hợp đồng: Trọn gói

III. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

b) Hình thức và Thời hạn thanh toán:

- Hình thức và phương thức Thanh toán: Chuyển khoản

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng (nếu Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành tương đương 5% giá trị hợp đồng) hoặc thanh toán 95% giá trị hợp đồng (nếu Bên B không cung cấp bảo lãnh bảo hành) trong vòng 30 ngày làm việc (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và những ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật) kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ các giấy tờ thanh toán hợp lệ của Bên B.

Trong trường hợp Bên B không cung cấp bảo lãnh bảo hành 5%: hết thời hạn bảo hành, Bên A sẽ thanh toán 5% tổng giá trị hợp đồng chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, hồ sơ gồm: Biên bản nghiệm thu hết thời gian bảo hành, văn bản đề nghị thanh toán

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu, vật tư hàng hóa;
 - + Biên bản nghiệm thu lắp đặt chạy thử (đối với hàng hóa có nhân công)
 - + Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng (đối với hàng hóa có nhân công)
 - + Cung cấp 01 bản gốc hoặc bản chứng thực CO, CQ (đối với hàng hóa nhập khẩu), Giấy chứng nhận chất lượng hoặc chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng hoá sản xuất trong nước) trong HSCG hoặc cam kết khi giao hàng
 - + Hóa đơn GTGT;
 - + Văn bản đề nghị thanh toán;
 - + Các giấy tờ khác liên quan (Nếu có)

IV. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai bên hoàn thành xong nghĩa vụ của mình.

2. Tiến độ giao hàng:.....

3. Địa điểm giao hàng: Giao tại Kho của Công ty Nhiệt điện Na Dương – TKV. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

V. Tính hợp lệ và kiểm tra chất lượng của hàng hóa

1. Tính hợp lệ: Hàng hoá nêu rõ nguồn gốc xuất xứ nhãn mã hiệu của hàng hoá.

2. Kiểm tra chất lượng của hàng hoá: Bên A hoặc đại diện Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời chào giá có quyền từ chối nhận hàng và Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

VI. Thương, phạt hợp đồng

1. Thương hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt chậm thanh toán: Không áp dụng

3. Phạt chậm giao hàng: Trừ trường hợp bất khả kháng được quy định tại Luật dân sự 2015, nếu Bên B giao hàng bị chậm so với thời gian quy định hợp đồng do lỗi của bên B (kể cả trường hợp hàng hóa giao không đúng quy cách, chất lượng bị bên A trả lại) thì Bên B sẽ bị phạt chậm tiến độ như sau:

+ 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi tuần chậm giao hàng (Dưới 01 tuần được tính tròn là 01 tuần).

+ Mức phạt chậm tối đa cho việc chậm giao hàng là 8% giá trị phần vi phạm hợp đồng

